**VIỆT BẮC**

 Tố Hữu

**PHẦN HAI: TÁC PHẨM**

**I. Tìm hiểu chung**

***1. Hoàn cảnh ra đời***

- Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi, tháng 7 - 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết. Hoà bình lập lại, miền Bắc nước ta được giải phóng và bắt tay vào sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới. Một trang sử mới của đất nước được mở ra.

- Tháng 10 - 1954, những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại thủ đô. Nhân sự kiện thời sự có tính lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ Việt Bắc.

- Bài thơ có hai phần: phần đầu tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến, phần sau gợi viễn cảnh tươi sáng của đất nước và ngợi ca công ơn của Đảng, Bác Hồ đối với dân tộc.

***2. Vị trí đoạn trích:*** thuộc phần đầu của tác phẩm (kỉ niệm về cách mạng và kháng chiến).

***3. Bố cục:*** 2 phần

- Phần 1 (20 câu đầu): Lời nhắn nhủ của người ở lại đối với người ra đi.

- Phần 2 (70 câu sau): Lời đáp của người ra đi với nỗi nhớ Việt Bắc.

***4. Nội dung bài thơ:***

- Tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến.

- Gợi viễn cảnh tươi sáng của đất nước và ngợi ca công ơn của Đảng và Bác Hồ.

**II. Đọc - hiểu văn bản**

***1. (20 câu đầu): Lời nhắn nhủ của người ở lại đối với người ra đi***

***a. Tám câu đầu: Khung cảnh chia tay và tâm trạng của con người.***

 4 câu thơ đầu: Lời hỏi của người ở lại.

- Cách xưng hô mình – ta:

+ Là cách gọi quen thuộc trong ca dao dân ca, gợi giọng điệu ngọt ngào của những câu hát giao duyên.

+ Gợi nghĩa tình đậm sâu, tha thiết.

→ Tạo không khí trữ tình, khung cảnh chia tay bịn rịn, lưu luyến.

- Câu hỏi tu từ “*Mình về mình có nhớ…*”: lời ướm hỏi để khơi gợỉ kỉ niệm

- “*Mười lăm năm ấy*”: từ thời kháng Nhật (khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940) đến khi những người kháng chiến trở về Thủ đô (tháng 10 – 1954) → Khoảng thời gian gắn bó, nghĩa tình.

- “*thiết tha mặn nồng*”: tình cảm giữa Việt Bắc và người cán bộ rất thủy chung sâu nặng.

- Điệp từ “nhớ”: nhấn mạnh nỗi nhớ sâu sắc, thường trực, da diết.

- Cách nói “*Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn*”: lời nhắc nhở, dặn dò kín đáo, chân thành: Việt Bắc là cội nguồn Cách mạng, là trung tâm đầu não của cuộc kháng chiến. Xin người về đừng quên cội quên nguồn.

⇒ Bốn câu đầu tạo thành 2 câu hỏi: 1 câu hỏi về không gian, 1 câu hỏi về thời gian, gói gọn một thời cách mạng, một vùng cách mạng. Người ở lại bịn rịn, luyến tiếc, khơi gợi trong lòng người ra đi kỉ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, nghĩa tình.

 4 câu tiếp: tiếng lòng của người về xuôi

- Các từ láy:

* “*Tha thiết*”: Người Việt Bắc hỏi "thiết tha", người ra đi cảm thấy "tha thiết" → sự hô ứng về ngôn từ tạo nên sự đồng vọng trong lòng người.
* “*Bâng khuâng*”: nhớ nhung, luyến tiếc, buồn vui lẫn lộn.
* “*Bồn chồn*”: tâm trạng hồi hộp, nôn nao trong lòng, khiến cho bước chân đi cũng ngập ngừng, bịn rịn.

→ Sự day dứt, lưu luyến, bối rối trong tâm trạng và hành động của người ra đi.

- Hình ảnh hoán dụ: “*áo chàm*” → gợi hình ảnh bình dị, thân thương của những người dân Việt Bắc.

- Hành động: “*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay*”

* Xúc động nghẹn ngào không thốt được nên lời, cái nắm tay thay cho lời từ giã.
* Nghĩa tình keo sơn gắn bó giữa người cách mạng và người Việt Bắc

→ Gợi nhớ những cuộc chia tay trong văn học trung đại (nhưng đây là cuộc chia tay trong niềm vui chiến thắng).

⇒ Tiếng lòng người về xuôi bâng khuâng lưu luyến.

***b. 12 câu tiếp: Gợi kỉ niệm về Việt Bắc trong những năm kháng chiến.***

- 6 câu hỏi tu từ lặp đi lặp lại → câu hỏi đau đáu, khơi gợi, nhắc nhớ mọi người hãy luôn nhớ về Việt Bắc.

- Phép điệp: *mình đi…, mình về…, nhớ…* → lời nhắn gọi tha thiết, nhắc nhớ những kỉ niệm về một thời ở Việt Bắc.

- Hình ảnh:

* “*Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù*”: khung cảnh núi rừng ảm đạm trong những ngày đầu kháng chiến.
* “*Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai*”: sự đồng cam cộng khổ, chung lưng đấu cật để chống kẻ thù chung.

→ Hình ảnh chân thực gợi sự gian khổ của cuộc kháng chiến, cụ thể hoá mối thù của cách mạng đối với thực dân Pháp.

- Nhân hóa: “*rừng núi nhớ ai*”: nỗi nhớ của Việt Bắc đối với những người kháng chiến.

- Chi tiết “*Trám bùi….để già*” → Mượn cái thừa để nói cái thiếu → Cảm giác trống vắng khi nhớ nhung.

- Phép đối “*Hắt hiu…lòng son*” → Người Việt Bắc sống lam lũ, khó nghèo, nhưng thủy chung son sắt với cách mạng.

- Địa danh: *Hồng Thái, Tân Trào* → gắn liền với Việt Bắc, là hình ảnh tiêu biểu của thủ đô kháng chiến.

- “*Mình đi, mình có nhớ mình*" → Ý thơ đa nghĩa, thú vị. Cả kẻ ở, người đi đều gói gọn trong chữ “mình” tha thiết. Mình là một mà cũng là hai, là hai nhưng cũng là một bởi sự gắn kết của cách mạng, của kháng chiến.

⇒ Chân dung một Việt Bắc gian khổ mà nghĩa tình, thơ mộng mà rất đỗi hào hùng trong nỗi nhớ của người ra đi.

***2. (70 câu sau): Lời của người ra đi***

1. ***4 câu đầu: Khẳng định tình nghĩa thủy chung son sắt.***

- Đại từ *mình – ta*: được sử dụng linh hoạt, tạo sự hòa quyện, gắn bó máu thịt;

- Giọng điệu: tha thiết như một lời thề son sắt.

- Từ láy: *mặn mà, đinh ninh* → Khẳng định nghĩa tình đậm đà, bền chặt, trước sau như một của người cách mạng đối với người Việt Bắc.

- So sánh: *bao nhiêu… bấy nhiêu* → Khẳng định tình nghĩa dạt dào không bao giờ vơi cạn.

→ Người về xuôi xác nhận lòng chung thủy của mình đối với VB.

1. ***28 câu tiếp: nỗi nhớ thiên nhiên, núi rừng và cuộc sống con người ở Việt Bắc.***

\***18 câu đầu: “Nhớ gì… suối xa…”: Nỗi nhớ về cuộc sống ở Việt Bắc.**

- Biện pháp so sánh: “*nhớ… người yêu*” → sắc thái cao nhất của nỗi nhớ, day diết, cồn cào.

- Phép tiểu đối:

* “*Trăng lên đầu núi / nắng chiều lưng nương*” → Nỗi nhớ từ đêm sang ngày, bao trùm cả không gian lẫn thời gian.
* “*Bát cơm sẻ nửa / chăn sui đắp cùng*” → Sự san sẻ khó khăn gian khổ, chia sớt ngọt bùi, đắng cay.

- Phép điệp: *nhớ, nhớ từng…, nhớ sao…* → Nhấn mạnh nỗi nhớ da diết, sâu sắc.

- Đối tượng của nỗi nhớ:

* Cảnh: *trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương, bản khói cùng sương, rừng nứa bờ tre, ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê, suối xa* → khung cảnh đặc trưng của Việt Bắc.
* Người: *người thương đi về, người mẹ nắng cháy lưng* → hình ảnh thân thương của con người Việt Bắc.
* Những kỉ niệm: *đắng cay ngọt bùi, chia củ sắn lùi, bát cơm sẻ nửa, lớp học i tờ, những giờ liên hoan, ngày tháng cơ quan, tiếng mõ rừng chiều, chày đêm nện cối* → những buổi sinh hoạt, hội họp, học hành → quân dân gắn bó như một gia đình.

→ Con người và cuộc sống Việt Bắc: khổ cực, lam lũ mà thủy chung, son sắt.

⇒ Thiên nhiên, núi rừng, cuộc sống và con người ở Việt Bắc luôn in đậm trong tâm trí những người về xuôi → Tình cảm chân thành, tha thiết của người cán bộ kháng chiến.

**\*10 câu “Ta về… thuỷ chung”: Nỗi nhớ về bức tranh tứ bình của Việt Bắc.**

- 2 câu đầu: khái quát nỗi nhớ và cảm xúc chủ đạo cho cả khổ thơ “*nhớ hoa cùng người”.*

- 8 câu sau: bức tranh tứ bình của Việt Bắc:

* Mùa đông:
	+ Cảnh: *hoa chuối đỏ tươi* điểm xuyết trên nền rừng xanh;
	+ Người: người lao động trên đèo cao, “*dao cài thắt lưng*” → Tư thế khoẻ khoắn, hùng tráng, kiêu hãnh và vững chãi;
	+ Màu sắc: xanh + đỏ + “nắng ánh” → gam màu nóng của bông chuối nổi lên giữa màu xanh bát ngát của núi rừng, thiên nhiên Việt Bắc trở nên tươi sáng, ấm áp và giàu sức sống.
* Mùa xuân:
	+ Cảnh: *mơ nở trắng rừng* → đặc trưng mùa xuân VB, khu rừng như bừng sáng, tràn trề nhựa sống;
	+ Người: *người đan nón chuốt từng sợi gian*g → hình ảnh đẹp, nên thơ, con người tỉ mẫn, khéo léo, tài hoa trong quá trình lao động;
	+ Màu sắc: trắng → tinh khiết, thanh nhã.
	+ Âm thanh: hiệp vần “ơ” (mơ – nở), “ưng” (rừng – từng) → cảm nhận tinh tế, âm thanh của rừng mơ đồng loạt nở hoa.
* Mùa hạ:
	+ Cảnh: *rừng phách đổ vàng* → Động từ “đổ” là động từ mạnh, diễn tả sự vàng lên đồng loạt của hoa phách đầu hè.
	+ Người: *em gái hái măng một mình* → Một mình mà không gợi lên ấn tượng về sự cô đơn, hiu hắt, trái lại rất trữ tình, thơ mộng, gần gũi thân thương → vẻ đẹp chịu thương chịu khó của người thiếu nữ.
	+ Màu sắc: màu vàng của rừng phách + Âm thanh: tiếng ve kêu báo hiệu mùa hè đến. → Vẻ đẹp đặc trưng rộn rã, rực rỡ của mùa hè.
* Mùa thu:
	+ Cảnh: *trăng rọi hòa bình* → Không gian bao la, tràn ngập ánh trăng hiền hòa → ánh trăng của tự do, của hòa bình;
	+ Âm thanh: *tiếng hát ân tình thuỷ chung* → Cảm giác thanh bình, êm đềm.

+ Nghệ thuật:

+ Phép điệp: ta về, ta nhớ, nhớ,...

+ Đại từ xưng hô: mình – ta…

+ Nhịp điệu đều đặn, cân xứng, nhịp nhàng

+ Giọng điệu tâm tình, ngọt ngào, lời thơ giàu nhạc điệu,…

⇒ Bức tranh cảnh và người qua bốn mùa của chiến khu Việt Bắc. Cảnh và người hòa hợp và tô điểm cho nhau, làm cho bức tranh trở nên gần gũi, sống động. ⇒ Nỗi nhớ nhung quyến luyến trong lòng người cán bộ về xuôi.

**c-22 câu tiếp “Nhớ khi… núi Hồng”: Cuộc kháng chiến anh hùng ở Việt Bắc.**

- 10 câu đầu “*Nhớ khi… Nhị Hà…*”: Thiên nhiên cùng con người sát cánh đánh giặc.

+ Phép điệp: *nhớ…* → Khắc sâu kí ức, mỗi từ “nhớ” được kết hợp với từng kỉ niệm trong những ngày kháng chiến.

+ Nhân hóa: “*Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây/ Núi giăng thành luỹ sắt dày/ Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù*” → Thiên nhiên trở thành một lực lượng kháng chiến.

+ Cách sắp xếp từ ngữ: “*đất - trời - ta - cả chiến khu - một lòng*” → Khẳng định tinh thần đoàn kết.

+ Câu hỏi tu từ: “*Ai về ai có nhớ không?*” → Hỏi để khẳng định nỗi nhớ thường trực, sâu sắc về những địa danh gắn liền với Việt Bắc.

+ Từ chỉ địa danh: *Phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Cao - Lạng, Nhị Hà…* → Địa danh thân thuộc, gắn liền với Việt Bắc, đáng tự hào, chiếm trọn trong tâm hồn người về xuôi.

- 12 câu sau “*Những đường… núi Hồng*”: Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong những ngày ra quân sôi động làm nên chiến thắng.

+ 8 câu đầu: khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc

* Các động từ mạnh: *rầm rập, rung, bật* → Mức độ rung chuyển dữ dội, thể hiện sức mạnh vô địch của cuộc kháng chiến.
* Các từ láy: *điệp điệp, trùng trùng* → Số lượng đông đảo, khí thế mạnh mẽ, dồn dập.
* Hình ảnh của lực lượng ta: *quân đi, ánh sao đầu súng, mũ nan, dân công* → Sự hợp lực của nhiều thành phần tạo thành sức mạnh của khối đoàn kết vững chắc.
* Hình ảnh người chiến sĩ: “*ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*” → ngôi sao trên mũ → ngôi sao dẫn đường, ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng.
* So sánh, cường điệu: *“Như là đất rung”, “Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay”* → Khái quát sức mạnh của thời đại, của lòng căm thù và ý chí tiêu diệt giặc, có thể làm nên những điều tưởng chừng không thể.
* 4 câu sau: Niềm vui chiến thắng.
* Chiến công tưng bừng vang dội khắp nơi: *Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, đèo De, núi Hồng…* → Liệt kê liên tiếp các địa danh, như một đoạn phim

lịch sử được “tua” nhanh, diễn tả bước đi dồn dập của chiến thắng → Nhịp thơ gấp gáp, đầy hào sảng.

* Điệp từ “vui” điệp đi điệp lại trong cả bốn dòng thơ + sự nối tiếp các cụm từ: *“vui về”, “vui từ”, “vui lên”* → Những đợt sóng của năng lượng tích cực trào dâng liên tiếp nhau, niềm vui tràn ngập hồn người.
* Đoạn thơ ngập tràn ánh sáng: *ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha…* → ánh sáng của niềm tin tưởng, niềm vui tràn ngập.
* Nhịp thơ dồn dập gấp gáp, âm hưởng hào hùng náo nức tạo thành khúc ca chiến thắng.

 ⇒ Những yếu tố ngôn từ đặc sắc, thể hiện sinh động không khí náo nức say mê của quân dân Việt Bắc trong ngày chiến thắng.

**d-16 câu cuối: Vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến.**

*-* 2 đại từ "ai": Chỉ người cán bộ về xuôi và người Việt Bắc: tuy hai mà như một. → Một lần nữa nhấn mạnh tình nghĩa son sắt, thủy chung giữa người VB với cán bộ cách mạng.

- Câu hỏi tu từ "*Ai về ai có nhớ không?*": hỏi chính lòng mình, nhắc nhở bản thân về sự trân quý kỉ niệm, trân quý tình cảm thiêng liêng với Việt Bắc.

- Tình cảm thiêng liêng đó tồn tại trong những biểu tượng:

* *Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang*: Ngọn cờ cách mạng rực rỡ chốn núi rừng
* *Nắng trưa rực rỡ sao vàng:* Ngôi sao vàng hòa vào ánh nắng, đầy tươi sáng.

→ Biểu tượng của niềm tin chiến thắng + âm hưởng tươi vui → Niềm tin sáng ngời vào Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Nhân dân.

- Nhắc đến 2 nhiệm vụ cấp bách trong viễn cảnh đang trên đà thắng lợi:

* Tiền tuyến: sẵn sàng điều thêm quân cho chiến dịch Thu - Đông;
* Hậu phương: phát động các phong trào ở nông thôn, mở rộng giao thông để phát triển kinh tế, giữ đê, phòng hạn, tích lũy vũ khí, mở thêm trường học để bổ túc văn hóa cho nhân dân.

→ Tuy còn khó khăn nhưng đất nước ta đã từng bước tiến đến tự do, độc lập.

- Điệp cấu trúc: ''*Ở đâu*'' đi kèm với hình ảnh hiện thực đau đớn của quê hương đất nước ta: *"u ám quân thù'', '' đau đớn giống nòi''* → Nhắc lại nỗi đau của một dân tộc bị mất nước, bị giặc ngoại xâm.

- Điều giúp chúng ta vượt qua nỗi đau đó chính là:

* ''*Cụ Hồ sáng soi'*': người lãnh đạo tầm cao, tâm sáng, trí tinh anh, lí tưởng lớn
* ''*mà nuôi chí bền*'': sự bền sức, bền lòng, đồng tâm, hiệp ý.
* Động từ *''nhìn''* và *''trông''*: hướng về Việt Bắc - trung tâm đầu não của cuộc kháng chiến.

- Bốn câu thơ cuối: lời khẳng định của người cán bộ về xuôi:

* Không quên 15 năm đấu tranh giành độc lập tự do cho dân tộc;
* Không quên Việt Bắc là quê hương của cách mạng.
* Một lần nữa Tố Hữu lại nhắc đến hai sự kiện nổi bật đã từng diễn ra ở Việt Bắc: “*Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào”* → Sẽ luôn nhớ về Việt Bắc - cái nôi cách mạng

→ Lòng biết ơn sâu sắc và lời hứa thủy chung.

⇒ Bức tranh toàn cảnh về thiên nhiên, con người, cuộc sống lao động và chiến đấu của núi rừng Việt Bắc trong suốt 15 năm. Đây có thể được coi là đoạn tổng kết về cuộc kháng chiến chống Pháp.

**III. Tổng kết**

* Giá trị nội dung: VB là khúc ân tình thủy chung của những người cách mạng, của cả dân tộc qua tiếng lòng của tác giả.
* Giá trị nghệ thuật:
	+ Bài thơ đậm đà tính dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu: thể thơ lục bát với giọng điệu ngọt ngào, tha thiết; lối đối đáp giao duyên của ca dao dân ca; cách xưng hô mình – ta; phép điệp giàu tính truyền thống.
	+ Ngôn từ mộc mạc, giàu hình ảnh, giàu sức gợi.
	+ Các biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, hoán dụ được vận dụng linh hoạt.
	+ Phát huy cao độ tính nhạc phong phú của tiếng Việt.